TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 72/2022/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Cửu, ngày 06 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116, 118, 119, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 93/2022/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2022, về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

1. Chị Võ Thị Thu H, sinh năm: 1986

Địa chỉ: Nhà trọ B, Bưu điện T, Tổ 9B, Ấp 1, xã T1, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Phạm Văn V1, sinh năm 1983

Địa chỉ: Nhà không số, Tổ 3, Ấp 5, xã T1, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thu H và anh Phạm Văn V1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 128/2019 ngày 27 tháng 12 năm 2019. Quá trình chung sống chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, không còn tình cảm cũng như không có tiếng nói chung với nhau. Hiện nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H, anh V1 làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị H, anh V1 có 01 con chung tên Phạm Võ Thiên P, sinh ngày 04/10/2019. Khi ly hôn anh, chị thỏa thuận anh V1 nuôi dưỡng con, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Võ Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Võ Thị Thu H thực hiện quyền này.

[3]. Về tài sản chung: Chị H, anh V1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Chị H, anh V1 khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí việc dân sự: Anh V1, chị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh V1, chị H đã nộp theo biên lai thu số 0004090, 0004091 cùng ngày 10/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Anh V1, chị H đã nộp đủ tiền lệ phí.

[6]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 3 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Thu H và anh Phạm Văn V1 thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Giao con chưa thành niên là Phạm Võ Thiên P, sinh ngày 04/10/2019 cho anh Phạm Văn V1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Tạm thời chị Võ Thị Thu H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Võ Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con, không ai được cản trở chị Võ Thị Thu H thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh V1, chị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự được trừ vào số tiền tạm ứng lệ anh V1, chị H đã nộp theo biên lai thu số 0004090, 0004091 cùng ngày 10/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Anh V1, chị H đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện VC;
- UBND xã T1, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Bá Diễn